

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng,
thành phố Quy Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định v/v ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/16/2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;
Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng

Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030; Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);

Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 05/09/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030; Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 8/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 23/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn.

2. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a. Khu vực quy hoạch xây dựng thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn. Giới cận như sau:

- Phía Đông giáp: Luồng tàu vào cảng Quy Nhơn;
- Phía Tây giáp: Khu cảng Đống Đa;
- Phía Nam giáp: Khu vực tàu thuyền tránh trú bão đầm Thị Nại;
- Phía Bắc giáp: Đầm Thị Nại.

b. Tổng diện tích quy hoạch: 87,92ha. Trong đó:

- Phạm vi quy hoạch xây dựng trên bờ: 69,62ha (giới hạn bởi các điểm A1, B1, B2, B3, A3 đến A33').

- Phạm vi quy hoạch khu nước, vũng quay tàu: 18,30ha (giới hạn bởi các điểm A1, B1, B2, B3, A3 đến A11, N9 đến N1).

3. Tính chất, mục tiêu

- Quy hoạch phát triển mở rộng cảng Quy Nhơn thành một trong những cảng biển hiện đại mang tầm khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định, khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế khu đất, khu nước; tổ chức các khu chức năng với tiện nghi, cơ sở hạ tầng hiện đại, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái, không gây ô nhiễm môi trường hướng tới phát triển bền vững.

- Tăng nguồn thu cho ngân sách, làm động lực thúc đẩy quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng trưởng kinh tế - xã hội trong khu vực và trên cả nước.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư xây dựng, triển khai thực hiện mở rộng cảng Quy Nhơn.

4. Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất

Bảng cân bằng sử dụng đất toàn khu

STT	Khu chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Quy hoạch khu vực cảng	56,13	100,0
1	Đất xây dựng Khu bến tổng hợp, container	4,72	8,4
2	Đất xây dựng Khu kho, bãi tổng hợp, container	28,86	51,4
3	Đất xây dựng Khu văn phòng, hành chính - dịch vụ	2,57	4,6
4	Đất xây dựng Khu hạ tầng kỹ thuật	0,76	1,4
5	Đất cây xanh, thảm cỏ	7,18	12,8
6	Đất giao thông, bãi xe	12,04	21,4
B	Quy hoạch Khu nước trước bến	18,30	
C	Đất giao thông đối ngoại (QL19)	1,20	
D	Khu vực quy hoạch của công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	12,19	
E	Đất công cộng quy hoạch để nhà nước bố trí cho cơ quan chức năng sử dụng	0,10	
Tổng cộng		87,92	

5. Các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc

Bảng thống kê các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc

TT	Ký hiệu	Khu chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)
A	Quy hoạch khu vực cảng		56,13	100,0		
I	Khu bến tổng hợp, container		4,72	8,4		
1	CC1	Bến số 1	1,68		-	-
2	CC2	Bến số 2, 3	0,52		-	-
3	CC3	Bến số 4	0,70		-	-
4	CC5	Bến số 6	1,82		-	-
II	Khu kho, bãi tổng hợp, container		28,86	51,4		
1	TH1	Bãi hàng	1,78		-	-
2	TH2	Bãi hàng	1,98		-	-
3	TH3	Bãi hàng	0,82		-	-
4	BC1A	Bãi hàng	1,31		-	-

TT	Ký hiệu	Khu chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)
5	BC2	Bãi hàng	2,78		-	-
6	BC3	Bãi hàng	1,42		-	-
7	BC4	Bãi hàng	0,87		-	-
8	BC5	Bãi hàng	1,45		-	-
9	BC6	Bãi hàng	5,35		-	-
10	BC7	Bãi hàng	1,63		-	-
11	BC8	Bãi hàng	0,61		-	-
12	KB1.1	Kho hàng	2,23		30	1÷2
13	KB1.2	Kho hàng	0,88		30	1÷2
14	KB1.3	Kho hàng	1,52		30	1÷2
15	KB1.4	Kho hàng	1,13		30	1÷2
16	KB2.1	Kho hàng	1,16		30	1÷2
17	KB2.2	Kho hàng	1,67		30	1÷2
18	KB2.3A	Kho hàng	0,27		30	1÷2
III	Khu văn phòng, hành chính - dịch vụ		2,57	4,6		
1	VP	Khu văn phòng điều hành	0,79		70	3÷15
2.1	DV1	Khu dịch vụ 01	0,65		70	3÷5
2.2	DV2	Khu dịch vụ 02	0,40		70	3÷5
2.3	DV3	Khu dịch vụ 03	0,43		70	3÷5
3	CH	Cửa hàng xăng dầu	0,30		-	-
IV	Khu hạ tầng kỹ thuật		0,76	1,4		
1	HT1	Khu hạ tầng kỹ thuật 01	0,14		30	1÷2
2	HT2	Khu hạ tầng kỹ thuật 02	0,32		30	1÷2
3	HT3	Khu hạ tầng kỹ thuật 03	0,14		30	1÷2
4	HT4	Khu hạ tầng kỹ thuật 04	0,16		30	1÷2
V	Cây xanh, thảm cỏ		7,18	12,8	-	-
1	CX1	Cây xanh cảnh quan, thảm cỏ	6,00		-	-
2	CX2	Cây xanh cách ly	1,18		-	-
VI	Giao thông, bãi xe		12,04	21,4	-	-
1	GT	Giao thông nội bộ	11,43		-	-
2	BX	Bãi xe	0,61		30	1÷2
B	Khu nước trước bến		18,30			
C	Giao thông đối ngoại (QL19)		1,20			
D	Khu vực quy hoạch của công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn		12,19			
E	Đất công cộng quy hoạch để nhà nước bố trí cho cơ quan chức năng sử dụng		0,10			
Tổng diện tích quy hoạch			87,92			

6. Quy hoạch cảng, tuyến bến cảng: Khu vực cảng Quy Nhơn đến năm 2030 có tổng diện tích khoảng 87,92ha, bao gồm:

a. Khu vực trên bờ: Thuộc phạm vi quy hoạch mở rộng cảng Quy Nhơn có diện tích 56,13ha được quy hoạch thành các khu chức năng chính như sau:

- Khu bến cảng tổng hợp, container có tổng diện tích 4,72ha. Tổng chiều dài tuyến mép bến 1.870m; chiều rộng bến 30÷35m, quy mô đáp ứng cho tàu tổng hợp, container đến 50.000DWT. Trong đó:

+ Quy hoạch nâng cấp Bến số 1 (bến 1A, 1B, 1C hiện hữu) đáp ứng cho tàu tổng hợp, container đến 30.000÷50.000 DWT. Chiều dài Bến 1 sau khi nâng cấp: 480m, rộng 35m.

+ Giữ nguyên hiện trạng Bến số 2, số 3 (bến nhô), đáp ứng cho tàu tổng hợp 10.000÷ 20.000DWT.

+ Nghiên cứu nâng cấp các Bến số 4, đáp ứng cho tàu tổng hợp, container đến 30.000÷50.000 DWT và lớn hơn giảm tải. Nghiên cứu đầu tư nối liền đoạn giữa Bến số 4 và Bến số 5 khi có nhu cầu.

+ Quy hoạch xây dựng các bến thượng lưu đồng thời với tiến trình di dời kho cảng xăng dầu Bình Định, gồm 03 bến ở thượng lưu (Bến số 6A, 6B, 6C) cho tàu tổng hợp, container 10.000 ÷ 30.000 DWT. Tổng chiều dài tuyến bến quy hoạch: 642m, chiều rộng 30m.

+ Đoạn đường bờ thượng lưu Bến số 6 quy hoạch xây dựng các bến neo đậu tàu lai dắt, tàu tìm kiếm cứu nạn, tàu công vụ kết hợp làm kè bảo vệ bờ.

- Khu vực kho, bãi hậu phương có tổng diện tích khoảng 28,86ha. Các bãi hàng được bố trí nằm ngay sau tuyến bến, rộng 100÷180m, phục vụ chứa hàng tổng hợp, container, hàng rời.

- Giữ nguyên vị trí khu văn phòng điều hành hiện hữu, rộng 0,79ha nằm tại phía Tây Nam, tiếp giáp với tuyến đường Phan Chu Trinh. Cải tạo, nâng cấp các khối nhà trong khu văn phòng hiện hữu, phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- Khu đất dịch vụ, cơ quan quản lý Nhà nước có tổng diện tích 0,83ha, là nơi đặt trụ sở của các đơn vị quản lý nhà nước như Chi cục hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảng vụ Hàng hải. Quy hoạch mới khu dịch vụ DV1 (rộng 0,65ha) ở khu phía Tây để xây dựng khu dịch vụ hàng hải (cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, thương mại, ngân hàng, tài chính, văn phòng đại diện hãng tàu, dịch vụ, nhà quản lý, khai thác bến,... liên quan đến cảng biển).

- 04 khu hạ tầng kỹ thuật đầu mối với tổng diện tích 0,76ha được bố trí rải đều khu vực quy hoạch để thuận lợi cho việc đầu nối hạ tầng đến các công trình trong cảng.

- Bố trí công viên cây xanh tập trung tại khu vực phía Tây, cạnh với khu văn phòng điều hành hiện hữu, tạo cảnh quan xanh trong cảng. Ngoài ra bố trí các dải cây xanh dọc theo các tuyến đường giao thông và bao quanh khu đất để giảm tác động của hoạt động sản xuất đến các khu vực xung quanh.

- Bố trí bãi xe rộng 0,61ha nằm tại khu vực phía Tây của cảng, giáp với tuyến Quốc lộ 19, phục vụ cho xe chờ ra vào cảng.

b. Khu vực khác: có diện tích khoảng 31,79ha bao gồm:

- Khu vực đất giao thông đối ngoại (quốc lộ 19) có diện tích khoảng 1,2ha, kết nối cảng ra cầu Đen.
- Khu vực quy hoạch của công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn có diện tích khoảng 12,19ha (bao gồm cả bên số 5).
- Khu vực quy hoạch cho cơ quan quản lý nhà nước có diện tích khoảng 0,1ha. Dự kiến phục vụ xây dựng cầu cảng cho tàu công vụ neo đậu.
- Khu nước trước bến có diện tích 18,3ha, phục vụ cho tàu neo cập, ra vào cảng.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Quy hoạch giao thông

- *Giao thông đường bộ:* Tuyến đường trục chính trong cảng gồm 2 tuyến:
 - + Tuyến A2-A3: Lộ giới 25m (20m + 2x2,5m), bắt đầu từ cổng cảng hiện hữu (A2) vào đến các bên cảng số 1 đến số 5. Tuyến này kết nối trực tiếp với tuyến giao thông đối ngoại (đoạn A1-A2) thuộc quốc lộ 19 có lộ giới 30m (bề rộng mặt đường 9,5mx2). Trên tuyến A1-A2-A3 bố trí khu vực bãi tập kết xe rộng khoảng 0,76ha.
 - + Tuyến B1-B2: Chạy dọc phân khu phía Nam, kết nối khu văn phòng cảng đến khu vực đất công ty Tân Cảng Quy Nhơn hiện hữu. Tuyến có lộ giới 25m (20m + 2x2,5m).
 - + Các tuyến đường trục nhánh (màu xanh) được quy hoạch có lộ giới 16÷20m (bề rộng mặt đường 10,5÷15m), bố trí theo dạng ô bàn cờ bao quanh các lô kho bãi.

- *Giao thông đường thủy:* Kết nối qua tuyến luồng hàng hải Quy Nhơn.

b. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa

- *Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật san nền*
 - + Đối với khu vực hiện trạng là trên bờ thực hiện cải tạo hiện trạng để đảm bảo khả năng thoát nước mặt.
 - + Đối với khu vực hiện trạng là mặt nước tiến hành san lấp để tạo mặt bằng, thực hiện san nền với cao độ san nền phía bên cảng: +2,67m(NN) ~ 4,2mHD.
 - + Hướng thoát nước từ trong nền các lô đất về hệ thống mương thoát nước đặt dọc theo đường giao thông xung quanh các lô đất. Sau đó đổ ra mương gom trên trục đường chính và thoát ra biển. Nước mưa được thoát theo các mương thoát nước kết hợp tự chảy tràn ra biển.
- *Quy hoạch thoát nước mưa*
 - + Hệ thống thoát nước mưa (nước mặt) thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước thải. Mạng lưới thoát nước mưa dạng tự chảy. Nước mưa được thu gom về các rãnh hở bằng BTCT có nắp đan, kích thước B=1,0÷1,2m, sau đó thoát ra biển bằng qua cửa xả.
 - + Trên các tuyến mương bố trí các giếng thăm thu nước đặt cách nhau 30÷50m để thu nước trên mặt đường và nạo vét lắng cặn. Nắp mương có tấm

đan bê tông cốt thép hoặc bằng lưới gang đúc để thu nước.

+ Tại các cửa thu nước mưa của khu vực bãi hàng rời, sẽ bố trí các nắp đan, lưới lọc để ngăn rác trôi xuống hệ thống thoát nước mưa.

c. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước lấy từ Nhà máy nước thành phố Quy Nhơn.

- Xây dựng hệ thống trạm bơm tăng áp có tổng công suất 900 m³/ngđ cùng 2 bể chứa quy mô 500m³/bể. Vị trí trạm bơm và bể chứa đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế dạng mạch vòng, đường ống cấp nước sinh hoạt và đường ống cấp nước phòng cháy chữa cháy được dùng chung. Sử dụng ống HDPE, đường kính từ D110 đến D160.

- Bố trí các trụ cứu hỏa kiểu nổi đặt trên vỉa hè với khoảng cách giữa các trụ là khoảng 100÷150m.

d. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn cấp điện cho cảng được đấu nối từ đường dây 22KV của thành phố Quy Nhơn.

- Bố trí 11 trạm hạ thế 22/0,4KV với tổng công suất 14.340KVA cung cấp điện sản xuất, chiếu sáng, khu tầng kỹ thuật. Các tuyến hạ thế 0,4KV từ trạm biến áp đến các khu vực sử dụng được đi ngầm.

- Hệ thống giao thông trục chính trong cảng được chiếu sáng bằng hệ thống đèn cao áp, cao cách mặt đường 8÷10m. Khoảng cách giữa các cột đèn trung bình 30m.

- Khu vực bãi chứa hàng và cầu cảng được bố trí chiếu sáng bằng hệ thống đèn pha cao 25÷30m. Cấp điện cho đèn đường dùng cáp ngầm 0,6-1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC, nối từ tủ hạ thế của các trạm biến áp tới các tủ điều khiển chiếu sáng.

đ. Quy hoạch thông tin liên lạc: Xây dựng một hệ thống ống dẫn, cống, bể cáp riêng, tủ phân phối cho phép cung cấp dịch vụ đến các công trình xây dựng trong khu vực lập quy hoạch.

e. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải được quy hoạch độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sản xuất, quy mô 50m³/ngđ tại lô HT2. Mạng lưới thu gom nước thải gồm các hố ga và tuyến cống dẫn nước thải.

- Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý tại chỗ, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát vào hệ thống thoát nước mặt.

- Hướng thoát nước: Thu gom tự chảy theo độ dốc cống. Cống thoát nước thải sử dụng loại cống HPDE có kích thước D200.

- Chất thải rắn được thu gom tập trung tại các khu vực hạ tầng kỹ thuật. Sau đó đưa đi đến khu xử lý tập trung của thành phố Quy Nhơn.

6. Quy định quản lý xây dựng: Theo hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày Quyết định này được phê duyệt, Công ty cổ phần cảng Quy Nhơn phải tổ chức công bố, công khai ngoài thực địa, bàn giao hồ sơ quy hoạch chi tiết đến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

- Quyết định này làm căn cứ để tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật thi công công trình theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu và số liệu đánh giá hiện trạng, tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và hồ sơ bản vẽ quy hoạch.

- Công ty cổ phần cảng Quy Nhơn khẩn trương lập Kế hoạch chi tiết triển khai đề án quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định, làm cơ sở để UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030 theo quy định.

- Công ty cổ phần Tân cảng Quy Nhơn khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư xây dựng và triển khai dự án bãi chứa hàng theo quy hoạch được duyệt; phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Điểm 5 Thông báo số 176/TB-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh.

- Giao các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, UBND thành phố Quy Nhơn và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra giám sát việc thực hiện quy hoạch, đầu tư và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai của chủ đầu tư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Công ty cổ phần cảng Quy Nhơn, Giám đốc Công ty cổ phần Tân cảng Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K14, K19 (M.16b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu